

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-4-2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Công Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Tuấn Trường; Bà Trần Thị Kim Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1986; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:* Qua tìm hiểu khoảng hơn 01 tháng, anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tiến đến hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Xuân, thị xã Gò Công năm 2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị H ngoại tình, vợ chồng thường cãi nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có hai người con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 01/01/2012 và Huỳnh Linh D, sinh ngày 04/5/2015. Khi ly hôn anh T yêu cầu

được quyền nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

*Chị Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh T, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.*

**Tại phiên tòa:**

- Anh Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị H; Về con chung anh T được quyền tiếp tục nuôi hai con chung, chị H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì anh T chịu theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H có nơi cư trú ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Huỳnh Văn T tiến đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh T và chị H sống chung từ năm 2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị H ngoại tình, vợ chồng thường cãi

nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, chị H đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh T, nhưng chị H không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị H đối với anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2016. Xét thấy hôn nhân của anh T và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh T xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có hai người con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 01/01/2012 và Huỳnh Linh D, sinh ngày 04/5/2015.

Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay con chung đều do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm, cháu L và cháu D sẽ gắn bó với cha nhiều hơn. Tại bản tự khai ngày 06/01/2022, thì cháu L có nguyện vọng được sống với cha. Chị H vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để hai con chung phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao cháu L và cháu D cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của con chung, nên yêu cầu của anh T về việc nuôi dưỡng con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Anh T là người trực tiếp nuôi con, nhưng không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Anh T xác định không có, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị H và anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T.**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

- Về quan hệ con chung: Anh Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung tên Huỳnh Văn L, sinh ngày 01/01/2012 và Huỳnh Linh D, sinh ngày 04/5/2015. Chị Nguyễn Thị Thanh H chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

**Về án phí sơ thẩm:** Anh Huỳnh Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0006575 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã B, thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Công Triều**